TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÙ ĐĂNG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **46**/2020/HNGĐ - ST
Ngày: 31- 7-2020
V/v tranh chấp: "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Điểu Thị Hạnh
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Quang Liêu
2. Ông Nguyễn Mạnh Dũng

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Mạnh Hùng– Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện B không tham gia phiên tòa:

Ngày 31 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 217/2020/TLST- HNGĐ, ngày 01 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 217/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: bà Chu Thị L; Sinh năm: 1991
Trú tại: thôn 7, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước
- *Bị đơn*: ông Mông Văn S; Sinh năm: 1992
Trú tại: thôn 7, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt có đơn xin giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 28/5/2020 và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Chu Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông Mông Văn S tự nguyện chung sống năm 2009. Tuy nhiên đến năm 2017 thì ông bà mới đi đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước. Thời gian đầu bà Lý và ông S chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn, hai bên thường xuyên cải nhau. Nguyên nhân mẫu thuẫn do ông S thường xuyên chơi bời uống rượu không lo làm ăn, ngoài ra ông S thường đánh đập bà. Bà Lý đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông S không thay đổi. bà Lý cùng các con đã thuê phòng trọ ở. Bà L nhận thấy mẫu

thuẫn gia đình bà ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được.Từ tháng 5 năm 2020 bà và ông S sống ly thân. Hiện nay bà L không thể tiếp tục chung sống nên bà L làm đơn yêu cầu ly hôn với ông S.

Về con chung: có 02 cháu gồm Mông Anh K; sinh ngày: 21/9/2010 và cháu Mông Gia B, sinh ngày 22/11/2017. Bà L có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu K, giao cháu B cho ông S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

Về cấp dưỡng: Bà L không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông Mông Văn S vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên theo nội dung trong bản tự khai ngày 01/7/2020 ông S trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: ông S đồng ý với lời trình bày của bà L về thời gian chung sống, thời gian đăng ký kết hôn. Đến năm 2019 giữa ông và bà L xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống thường xuyên cải nhau. Ông S thừa nhận có đánh bà L. Ông S thừa nhận giữa ông và bà L sống ly thân hơn 1 tháng. Bà L yêu cầu ly hôn, ông S đồng ý.

Về con chung có 02 cháu gồm Mông Anh K; sinh ngày: 21/9/2010 và cháu Mông Gia B, sinh ngày 22/11/2017. Ông S đồng ý giao cháu Mông Anh K cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, ông S trực tiếp nuôi dưỡng cháu Mông Gia B, sinh ngày 22/11/2017

Về cấp dưỡng: Không đặt ra.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: bà Chu Thị L và ông Mông Văn S tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2004. Tuy nhiên đến năm 2017 thì ông S và bà Lý mới đi đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước. Điều này phù hợp với giấy chứng nhận kết hôn số 69 ngày 30/6/2017 đã được bà Lý giao nộp hợp pháp. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Chu Thị L và ông Mông Văn S là hợp pháp.

Về mâu thuẫn gia đình: bà Lý và ông S đều khai thống nhất thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2017 giữa bà Lý và ông S phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cải nhau dẫn đến xô xát. Vì vậy từ đầu năm 2020 đến nay tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, không còn hòa hợp và bà Lý và ông S đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2020 liên tục đến nay. Trong thời gian sống ly thân mạnh ai nấy sống, kinh tế độc lập, không quan tâm gì đến nhau.Như vậy, có đủ cơ sở xác định giữa

bà L và ông S có mâu thuẫn xảy ra và mâu thuẫn giữa ông bà là trầm trọng làm mục đích hôn nhân giữa anh chị không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Bà L có nguyện vọng ly hôn, ông S cũng có nguyện vọng ly hôn. Căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của ông bà.

[2] Về con chung: 02 cháu gồm Mông Anh K; sinh ngày: 21/9/2010 và cháu Mông Gia B, sinh ngày 22/11/2017

Bà Lý có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Mông Anh K và giao cháu Mông Gia B cho ông S trực tiếp nuôi dưỡng.Theo lời khai của bị đơn ông S thì ông S đồng ý với yêu cầu của bà Lý. Do đó, cần ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự về việc nuôi dưỡng con.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 131 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn bà L phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

[6] Quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Chu Thị L về việc ly hôn. Bà Chu Thị L được ly hôn với ông Mông Văn S.

[2]. Về con chung: Giao cháu Mông Anh K; sinh ngày: 21/9/2010 cho bà Chu Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi các đủ 18 tuổi. Giao Mông Gia B, sinh ngày 22/11/2017 cho Mông Văn S trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế

quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng: các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết,

[3]. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[4]. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn bà Chu Thị L phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp trước là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0010360 ngày 29/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước.

[6]. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã nơi đương sự cư trú.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Điểu Thị Hạnh